QUAN HỆ KINH TẾ TRUNG QUỐC – ASEAN (2002 - 2012)

Mai Thúy Bảo Hạnh
Khoa Lịch sử, Trường Đại học Khoa học - Đại học Huế
Email: bhanhdph@gmail.com

TÓM TẮT

Quan hệ kinh tế Trung Quốc - ASEAN là một trong những mối quan hệ khá phức tạp trong khu vực châu Á - Thái Bình Dương. Trải qua quá trình lịch sử nhiều thăng trầm, trong những thập niên gần đây , Trung Quốc và ASEAN đã xích lại gần nhau, hợp tác chặt chẽ cùng phát triển. Bước sang thế kỷ XXI, quan hệ kinh tế Trung Quốc và ASEAN đã tạo ra những bước tiến vượt bậc so với nhiều mối quan hệ quốc tế khác trong khu vực và trên thế giới. Tuy nhiên, mối quan hệ này vẫn còn tồn tại những khó khăn, trở ngại đòi hỏi hai bên cần phải tháo gỡ và giải quyết để tương xứng với tiềm năng thế mạnh của mỗi bên.

Bài viết dưới đây đề cập đến những thành tựu và khó khăn, thách thức trong quan hệ kinh tế Trung Quốc – ASEAN (2002 – 2012).

***Từ khóa**: quan hệ kinh tế, Trung Quốc, ASEAN.*

MỞ ĐẦU

Từ năm 2002 đến năm 2012 là một khoảng thời gian không dài nhưng cả Trung Quốc và ASEAN đều rất cố gắng thúc đẩy mối quan hệ hai bên lên một tầm cao mới. Do vậy, quan hệ kinh tế Trung Quốc - ASEAN trong giai đoạn này đã tiến triển nhanh chóng và đạt được những thành tựu quan trọng. Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu đã đạt được, Trung Quốc và ASEAN cũng phải đối mặt với nhiều vấn đề khó khăn, thách thức.

1. NHỮNG THÀNH TỰU ĐẠT ĐƯỢC TRONG QUAN HỆ KINH TẾ TRUNG QUỐC - ASEAN (2002 - 2012)

Sự ra đời của Khu vực mậu dịch tự do Trung Quốc – ASEAN (ASEAN - China Free Trade Area - ACFTA) vào năm 2002 là một mốc quan trọng trong mối quan hệ kinh tế Trung Quốc - ASEAN. Nó thể hiện sự tin tưởng lẫn nhau cũng như nhu cầu thực tế đi sâu hợp tác giữa hai bên. ACFTA đã tác động mạnh mẽ đến quan hệ kinh tế giữa Trung Quốc và ASEAN, thúc đẩy thương mại song phương tăng trưởng nhanh chóng. Để đánh giá đúng tác động của ACFTA, trước hết cần trở lại các mục tiêu mà ASEAN và Trung Quốc theo đuổi khi quyết định xây dựng khu vực mậu dịch tự do này. Mục tiêu cơ bản nhất của ACFTA là đẩy mạnh quan hệ mậu dịch và đầu tư ASEAN - Trung Quốc. Vậy ACFTA đã giúp ASEAN và Trung Quốc đạt được những mục tiêu đó như thế nào?

Thứ nhất, ACFTA thúc đẩy quan hệ mậu dịch ASEAN- Trung Quốc

Dưới tác động của ACFTA, mậu dịch hai chiều ASEAN - Trung Quốc đã tăng nhanh chưa từng thấy. Sự tăng trưởng mậu dịch này được bắt đầu ngay khi hai bên thực hiện cắt giảm thuế (từ 1/1/2004) và gia tăng cùng với quá trình cắt giảm, loại bỏ thuế quan trong quan hệ mậu dịch giữa hai bên. Nếu vào năm 2004, tổng giá trị xuất khẩu của ASEAN sang Trung Quốc mới đạt 41,352 tỷ USD thì tới năm 2008, giá trị xuất khẩu của ASEAN sang Trung Quốc đã tăng hơn 2 lần, đạt mức 85,558 tỷ USD. Giá trị nhập khẩu từ Trung Quốc của ASEAN ở hai thời điểm trên lần lượt là 47.714 tỷ USD và 107.114 tỷ USD (Xem bảng 1)

Bảng 1. Mậu dịch giữa các nước thành viên ASEAN và Trung Quốc từ 2004-2008 (triệu đô la Mỹ)

Nước	2004	2005	2006	2007	2008
Xuất khẩu của ASEAN sang Trung Quốc	**41.352**	**52.258**	**65.010**	**77.945**	**85.558**
Brunei	243	234	174	201	0
Campuchia	12	15	13	11	13
Indonexia	4.605	6.662	8.344	8.897	11.637
Laos	1	4	1	35	15
Malaixia	8.634	9.465	11.391	15.443	18.422
Myanmar	75	119	133	475	499
Philippines	2.653	4.077	4.628	5.750	5.467
Singapore	15.321	19.770	26.472	28.925	29.082
Thái Lan	7.098	9.083	10.840	14.873	15.931
Việt Nam	2.711	2.828	3.015	3.336	4.491
Nhập khẩu của ASEAN từ Trung Quốc	**47.714**	**61.136**	**75.951**	**93.173**	**107.114**
Brunei	87	94	120	157	171
Campuchia	337	430	516	653	933
Indonexia	4.101	5.843	6.637	8.616	15.247
Laos	89	185	23	43	131
Malaixia	11.353	14.361	15.543	18.897	18.646
Myanmar	351	286	397	564	671
Philippines	2.659	2.973	3.647	4.001	4.250
Singapore	16.137	20.527	27.185	31.908	31.583
Thái Lan	8.183	11.116	13.578	16.184	19.936
Việt Nam	4.416	5.327	7.306	12.148	15.545

Nguồn: ASEAN Trade Statistics Database (Data as July 2009)

www. asean-china-center. org/english/2009-11/17/c_13125205. htm

Kim ngạch buôn bán hai chiều giữa từng nước thành viên ASEAN với Trung Quốc cũng gia tăng nhanh chóng. Nếu năm 2004, buôn bán hai chiều Indonesia - Trung Quốc là 8,706 tỷ, tới năm 2008 đã lên tới 26,884 tỷ USD. Xuất khẩu của từng nước ASEAN cũng tăng lên với tốc độ khá cao. Năm 2004, Indonesia xuất khẩu sang Trung Quốc một số hàng hóa trị giá 4.605 tỷ USD, tăng hơn 2 lần. Singapore là nước xuất khẩu được nhiều hàng hóa nhất sang Trung Quốc. Giá trị xuất khẩu của nước này trong năm 2008 là 29,082 tỷ USD.

Quan hệ mậu dịch ASEAN - Trung Quốc đã tăng đột biến, kể từ sau khi ACFTA có hiệu lực trong khu vực ASEAN 6 và Trung Quốc. Năm 2010, mậu dịch hai chiều ASEAN - Trung Quốc đạt 292,8 tỷ USD.

Xuất khẩu của ASEAN sang Trung Quốc tăng 37,9 % từ 81,6 tỷ USD năm 2009 lên 112,5 tỷ USD năm 2010. Trung Quốc trở thành thị trường xuất khẩu lớn thứ hai của ASEAN. Nhập khẩu từ Trung Quốc tăng 27,5 % từ 96,6 tỷ USD năm 2009 lên 123,2 tỷ USD năm 2010. Đây là năm thứ hai liên tiếp, Trung Quốc là đối tác mậu dịch lớn nhất của ASEAN, chiếm 11,6 % tổng mậu dịch của ASEAN. Mậu dịch song phương ASEAN - Trung Quốc tiếp tục gia tăng trong năm 2011.

Việc ACFTA có hiệu lực đã thúc đẩy mậu dịch hai chiều giữa các nước thành viên ASEAN và Trung Quốc. Tổng kim ngạch mậu dịch Singapore - Trung Quốc năm 2010 lên tới 95,3 tỷ USD, tăng 25,9 *% so* với năm 2009.

Trong quan hệ mậu dịch, cơ cấu hàng hóa xuất khẩu giữa hai bên đã có sự biến đổi theo chiều hướng tích cực. Trước năm 2003, hàng hóa xuất khẩu của Indonesia sang Trung Quốc, chủ yếu là dầu mỏ và khí đốt. Trong 5 năm vừa qua, xuất khẩu các sản phẩm phi dầu mỏ và khí đốt của nước này sang Trung Quốc đã gia tăng và chiếm tỷ lệ lớn hơn (51%). Những hàng hóa đóng góp vào sự thay đổi cơ cấu này là mỡ và dầu động vật hoặc thực vật, cao su, bột gỗ, quặng, sỉ, máy móc thiết bị điện và phụ tùng, máy ghi âm và máy quay đĩa, ti vi…

Cơ cấu xuất khẩu hàng hóa của các nước ASEAN khác sang Trung Quốc cũng có những biến đổi theo hướng gia tăng phần của hàng hóa chế tạo trong tổng hàng hóa xuất khẩu sang Trung Quốc.

Điểm đáng lưu ý là, trong khi thúc đẩy tăng trưởng mậu dịch giữa Đông Nam Á và Trung Quốc, *ACFTA không hề làm giảm kim ngạch mậu dịch giữa ASEAN và các đối tác mậu dịch truyền thống của Hiệp hội (Mỹ, EU, Nhật Bản).* Thật vậy, tổng kim ngạch mậu dịch ASEAN - Nhật Bản năm 2010 đã tăng 12 % so với năm 2009, đạt mức 1203,9 tỷ USD. Mậu dịch hai chiều ASEAN - Mỹ tăng 24,4 % vào năm 2009 đạt 186,1 tỷ USD so với 149,6 tỷ vào năm 2009. Xuất khẩu của ASEAN sang Mỹ tăng 27 % lên tới 85,6 tỷ USD, xuất khẩu của Mỹ sang ASEAN tăng 22 % lên tới 100,5 tỷ vào năm 2010. Theo ông Pushpannathan, Phó Tổng thư ký ASEAN phụ trách về Cộng đồng kinh tế ASEAN, mậu dịch của ASEAN với các đối tác ngoài ACFTA tăng trung bình 17,5 % từ 2005 – 2010 [1]

[1] http://www.bni.co.id/portals/0/Document/Ulasan%20Ekonomy/Impact%200f%20ACFTA.pdf

Năm 2012 là năm thứ 10 các nước tham gia ký "Hiệp định khung về hợp tác kinh tế toàn diện ASEAN - Trung Quốc". Cùng với sự nỗ lực của các bên, thành quả hợp tác kinh tế thương mại trong những năm qua đã được thể hiện rõ rệt, tiến trình xây dựng Khu mậu dịch tự do không ngừng, thương mại hai bên tăng trưởng ổn định, quy mô đầu tư không ngừng được mở rộng, các lĩnh vực hợp tác từng bước được tăng cường.

Theo thống kê của Hải quan Trung Quốc, 11 tháng đầu năm 2012, kim ngạch ngoại thương ASEAN - Trung Quốc đạt 359,96 tỷ USD tăng trưởng 9,3%, trong đó Trung Quốc xuất khẩu sang ASEAN đạt 183,13 tỷ USD tăng trưởng 19,3% (cao hơn tăng trưởng xuất khẩu chung của Trung Quốc là 12 điểm %), ASEAN xuất khẩu sang Trung Quốc đạt 176,83 tỷ USD tăng trưởng 0,6%. Trung Quốc xuất siêu sang ASEAN đạt giá trị 6,3 tỷ USD. Như vậy, tính tới nay ASEAN là đối tác thương mại lớn thứ 3 của Trung Quốc (sau EU, Hoa Kỳ), là đối tác xuất khẩu lớn thứ 4 (sau Hoa Kỳ, EU và Hồng Kông); là đối tác nhập khẩu lớn thứ 2 (sau EU)[2]

Trong số các nước ASEAN, đối tác thương mại lớn nhất của Trung Quốc là Malaysia với tổng kim ngạch thương mại song phương đạt 84,6 tỷ USD, tiếp theo đó là Thái Lan (63,5 tỷ USD), Singapore (62,3 tỷ USD), Indonesia (59,3 tỷ USD), Việt Nam (45,1 tỷ USD) và Philippines (33,3 tỷ USD) .

Từ những thực tế trên có thể khẳng định rằng ACFTA không chỉ đóng góp vào việc tạo mậu dịch trong khu vực ASEAN - Trung Quốc mà còn không gây nên hiệu ứng chuyển hoán mậu dịch như một số nhà kinh tế đã dự báo trước đây.

Thứ hai, ACFTA thúc đẩy đầu tư, đặc biệt là đầu tư của Trung Quốc vào ASEAN

Việc ACFTA được hiện thực hóa cũng thúc đẩy đầu tư giữa ASEAN và Trung Quốc. Trong năm 2010, đầu tư của ASEAN vào Trung Quốc đạt 6,32 tỷ USD, tăng 35,2 %.

Điểm đáng chú ý nhất về tác động của ACFTA đối với quan hệ đầu tư ASEAN - Trung Quốc là sự gia tăng đầu tư của các công ty Trung Quốc vào khu vực ASEAN.

Bảng 2. Dòng FDI của Trung Quốc ở ASEAN (Đơn vị: Triệu USD)

	2003	2004	2005	2006	2007	2008
Tổng FDI của Trung Quốc ra thế giới	33.222,22	44.777,26	57.205,62	75.025,55	117.910,50	183.970,71
Singapore	164,83	233.09	325,48	468,01	1.443,93	3.334,77
Indonesia	54,26	121,75	140,93	225,51	679,48	543,33
Việt Nam	28,73	160,32	229,18	253,63	396,99	521,73
Myanmar	10,22	20,18	23,59	163,12	261,77	499,71
Thái Lan	150,77	181,88	219,18	232,67	378,62	437,16
Campuchia	59,49	89.89	76,84	103,66	168,11	390,66
Malaysia	100,66	123,24	186,83	196,96	274,63	361,20

[2] http:///www.chinadaily.com.cn/business/2010-03/02/content_12104984.htm

Laos	9,11	13,42	32,87	96,07	302,22	305,19
Philippines	8,75	9,80	19,35	21,85	43,04	86,73
Brunei	0,13	0,13	1,90	1,90	4,38	6,51
Tổng FDI của Trung Quốc trong khu vực ASEAN	**586,95**	**955,70**	**1.256,15**	**1.763,38**	**3.953,17**	**6.486,99**
Phần % của ASEAN trong tổng số	"1,77%	2,13%	2,20%	2,35%	3,35%	3,53%

Nguồn: UNCTAD. 2010a. FDI/TNC Database.

http: // stats, unctad.
org/FDI/ReportFolders/reportFolders.aspx?sCS_referer=&sCS_ChosenLang=en.

Nhìn vào Bảng 2 chúng ta thấy FDI của Trung Quốc ở ASEAN đã tăng dần cùng với việc cắt giảm thuế theo lộ trình được đặt ra trong Chương trình thu hoạch sớm và trong Hiệp định mậu dịch hàng hóa ASEAN - Trung Quốc. Năm 2003, khi ACFTA chưa được bắt đầu xây dựng trong khu vực ASEAN 6 (trừ Thái Lan), FDI của Trung Quốc ở khu vực này mới chỉ là 586,95 triệu USD, tới năm 2004, năm đầu tiên tất cả các nước trong nhóm ASEAN 6 chính thức cắt giảm thuế theo quy định của EHP, FDI của Trung Quốc ở ASEAN đã tăng lên gần gấp đôi, đạt mức 955,70 triệu USD. Sự gia tăng FDI của Trung Quốc ở ASEAN vẫn tiếp tục trong các năm 2005, 2006, 2007. Đến năm 2008, tổng FDI lũy kế của Trung Quốc ở ASEAN lên tới 6.486,99 triệu USD.

Dòng FDI của Trung Quốc chảy vào ASEAN đã tăng vọt vào năm 2010, sau khi ACFTA có hiệu lực. Năm 2010, đầu tư mới của Trung Quốc ở ASEAN lên tới 2,10 tỷ.

Tính luỹ kế tới hết tháng 10/2012, tổng giá trị đầu tư Trung Quốc - ASEAN đạt 100 tỷ USD, trong đó 10 tháng đầu năm 2012 Trung Quốc đầu tư phi tài chính sang ASEAN đạt 3,6 tỷ USD tăng 31,2%. Các lĩnh vực Trung Quốc đầu tư sang ASEAN chủ yếu là xây dựng, dịch vụ khách sạn, điện khí, khoáng sản và vận tải, các hình thức đầu tư từ FDI đến đầu tư công nghệ kỹ thuật, BOT . . . Trung Quốc đã đầu tư xây dựng 5 Khu hợp tác kinh tế thương mại ở Campuchia, Thái Lan, Việt Nam và Indonesia, số lượng doanh nghiệp vào các Khu hợp tác kinh tế này cũng như giá trị sản xuất tại đây cũng tăng trưởng rõ rệt.

ASEAN là thị trường quan trọng của Trung Quốc trong lĩnh vực đấu thầu công trình và hợp tác lao động. Hai bên đang tiến hành đàm phán hoặc đang xây dựng hàng loại các dự án hợp tác lớn trên các lĩnh vực như xây dựng cơ sở hạ tầng, nông nghiệp, ...Các tổ chức tài chính của Trung Quốc cũng tạo điều kiện thuận lợi về vốn bằng các hình thức khác nhau. Trong 10 tháng đầu năm 2012 các hợp đồng ký mới đạt 15,1 tỷ USD, giá trị hoàn thành đạt 14,0 tỷ USD. Singapore, Indonesia, Việt Nam, Malaysia, Myanmar và Thái Lan là các đối tác hợp tác chính của Trung Quốc trong đấu thầu công trình và hợp tác lao động.

Tháng 4/2009, Thủ tướng Trung Quốc Ôn Gia Bảo đã tuyên bố trong vòng 3 - 5 năm sẽ cung cấp cho ASEAN khoản vay 15 tỷ USD. Tháng 11/2011, phía Trung Quốc tuyên bố cung cấp thêm cho ASEAN 10 tỷ USD trong đó có 40 USD vốn vay ưu đãi.

Cùng thời gian ASEAN đầu tư vào Trung Quốc cũng có quy mô mở rộng. Tính 10 tháng đầu năm 2012, ASEAN đầu tư vào Trung Quốc 6,1 tỷ USD tăng 15,9%. Nếu tính luỹ kế đến hết tháng 10/2012, ASEAN đã đầu tư vào Trung Quốc 76,1 tỷ USD chiếm 6% tổng giá trị FDI tại Trung Quốc (vượt qua FDI của Hoa Kỳ đầu tư tại Trung Quốc).

Điểm đáng lưu ý trong FDI của Trung Quốc vào các nền kinh tế ASEAN là ở chỗ các công ty Trung Quốc *đã chuyển từ đầu tư để mở rộng thị trường và đảm bảo nguồn nguyên liệu cho các ngành công nghiệp Trung Quốc sang đầu tư xây dựng nhà máy, cơ sở sản xuất để khai thác những cơ hội do ACFTA đưa lại.*

Một điểm đáng lưu ý nữa là sự gia tăng FDI của Trung Quốc vào các nền kinh tế ASEAN không làm giảm nguồn FDI từ Mỹ, Nhật Bản, EU và các đối tác kinh tế lớn khác chảy vào ASEAN. Sự gia tăng quan hệ mậu dịch và đầu tư giữa ASEAN với các đối tác kinh tế truyền thống của Hiệp hội này cho thấy sự tồn tại của khu mậu dịch tự do này không ảnh hưởng tiêu cực tới quan hệ kinh tế của Mỹ, Nhật Bản, EU đối với ASEAN. Điều này có nghĩa *là lợi ích kinh tế của các nước lớn ở Đông Nam Á không bị suy giảm do sự hiện diện của ACFTA.*

Ngoài tác động thúc đẩy hợp tác mậu dịch đầu tư giữa ASEAN và Trung Quốc, việc xây dựng thành công ACFTA còn tác động tích cực tới quan hệ của ASEAN với các đối tác đối thoại khác của Hiệp hội, Nhật Bản, Mỹ và ngay cả EU cũng có thể chưa nghĩ tới việc xây dựng các FTA song phương với ASEAN, nếu Trung Quốc không đề xuất sáng kiến này và tích cực cùng ASEAN hiện thực hóa sáng kiến đó.

Việc tất cả các nước lớn đều triển khai xây dựng khu vực mậu dịch tự do với ASEAN đang tạo cơ hội cho các thành viên của Hiệp hội này tiếp cận dễ dàng hơn thị trường của các đối tác trên. Đây chính là một lợi ích quan trọng khác mà ASEAN đang được hưởng.

ACFTA từng bước được hoàn thiện. Tháng 11/2012 vừa qua, tại Hội nghị Lãnh đạo Trung Quốc - ASEAN lần thứ 15, Bộ trưởng kinh tế các nước Trung Quốc và ASEAN đã ký Nghị định thư sửa đổi thứ 3 đối với "Hiệp định khung về hợp tác kinh tế toàn diện ASEAN - Trung Quốc" và Nghị định thư bổ sung điều khoản Hiệp định về hàng rào kỹ thuật trong thương mại và Hiệp định về biện pháp vệ sinh và kiểm dịch thực vật vào Hiệp định Thương mại hàng hoá trong khuôn khổ "Hiệp định khung về hợp tác kinh tế toàn diện ASEAN - Trung Quốc", từng bước hoàn thiện khung cơ chế thương mại tự do ASEAN - Trung Quốc, hỗ trợ cho việc đảm bảo thực hiện các Hiệp định trong khuôn khổ ACFTA, kịp thời giải quyết các vấn đề về hàng rào kỹ thuật thương mại, tạo điều kiện thuận lợi cho giới doanh nghiệp hai bên.

II. NHỮNG THÁCH THỨC TỒN TẠI TRONG PHÁT TRIỂN QUAN HỆ KINH TẾ TRUNG QUỐC - ASEAN (2002 - 2012)

Thứ nhất, những thách thức tồn tại từ lâu trong quan hệ kinh tế Trung Quốc - ASEAN

Một là, vấn đề tranh chấp biên giới lãnh thổ, đặc biệt là tranh chấp trên biển Đông

Đây là vấn đề tranh chấp do lịch sử để lại nên rất khó giải quyết, lâu nay luôn là trở ngại trên con đường tăng cường hợp tác kinh tế giữa Trung Quốc và ASEAN.

Trong những năm 90 của thế kỷ XX, tranh chấp biển Đông là vấn đề nổi cộm khiến cho mối quan hệ kinh tế giữa Trung Quốc và ASEAN xấu đi, thời gian này đã từng xảy ra nhiều tranh chấp ở khu vực biển Đông. Bước vào những năm đầu thế kỷ XXL đặc biệt là những năm gần đây, quan hệ kinh tế giữa Trung Quốc và ASEAN được cải thiện đáng kể, hai bên đã đạt được nhiều nhận thức chung. Tháng 11/2002, Trung Quốc và ASEAN ký "Tuyên bố về hành vi ứng xử của các bên ở biển Đông", nhấn mạnh giải quyết tranh chấp bằng biện pháp hoà bình, đặt cơ sở pháp lý quan trọng cho việc triển khai hợp tác giữa các bên ở biển Đông. Tháng 2/2005, Trung Quốc, Philippines và Việt Nam đã ký kết "Thoả thuận ba bên khảo sát địa chấn chung tại biển Đông". Những hành động đó đã chứng tỏ thiện chí giải quyết tranh chấp thông qua thương lượng hoà bình của hai bên, nhưng trên thực tế vẫn còn nhiều bất đồng lớn, vì tranh chấp quyền lợi biển thường gắn với lợi ích kinh tế. Những gì đụng chạm đến lợi ích quốc gia thường khó giải quyết, đòi hỏi cả hai bên phải cố gắng tìm biện pháp thích hợp mà cả Trung Quốc và ASEAN đều có thể chấp nhận được.

Hai là, sự khác biệt về chế độ kinh tế - chính trị và chênh lệch về trình độ phát triển kỉnh tế

Khác với EU với thể chế chính trị, nền tảng văn hoá, tôn giáo, chế độ xã hội, hệ thống pháp luật thống nhất trong toàn khối, ASEAN là một khối liên kết khá lỏng lẻo với trình độ phát triển kinh tế chênh lệch lớn, thể chế kinh tế và chính trị, tôn giáo rất khác nhau, gây khó khăn trong phát triển mối quan hệ ASEAN - Trung Quốc nhất là trong lĩnh vực kinh tế. Trình độ phát triển kinh tế của các nước thành viên ASEAN chênh lệch rất lớn, mức chênh lệc GDP giữa các thành viên ASEAN lên tới 100 lần vượt xa so với mức chênh lệch 16 lần giữa các nước thành viên EU và 30 lần đối với các nước thành viên của Khu vực mậu dịch tự do Bắc Mỹ[3] (NAFTA). Do trình độ phát triển kinh tế khác nhau nên các mục tiêu chiến lược, thời gian đặt ra đối với từng nước trong việc thực hiện các cam kết của ACFTA rất khác nhau, trong quá trình thành lập ACFTA, phải quan tâm đến các nước này, đặt ra thời hạn hoàn thành mục tiêu phù hợp với trình độ phát triển của họ, nếu thực hiện các cam kết quá nhanh sẽ gây ra những tác động bất lợi đối với sự phát triển kinh tế của các nước thành viên kém phát triển này. Hơn nữa, nền kinh tế các nước ASEAN là nền kinh tế hướng ngoại, chủ yếu dựa vào xuất khẩu, bản thân các nước trong khối không thể lôi kéo nền kinh tế của cả khối ASEAN phát triển nhanh được. Những đặc điểm

[3] Hoàng Khắc Nam (2007), "Cơ hội và thách thức đối với ASEAN trong bối cảnh hợp tác Đông Á", Hội thảo ASEAN: Bốn mươi năm nhìn lại và hướng tới, ĐHKHXH&NV, ĐHQG Hà Nội.

phát triển kinh tế này của ASEAN ảnh hưởng xấu tới việc xây dựng khu vực mậu dịch tự do Trung Quốc - ASEAN. Đây cũng là một thách thức lớn với các thành viên ASEAN có nền kinh tế kém phát triển hơn trong việc hoàn thành kế hoạch của khu vực mậu dịch tự do đúng thời hạn quy định.

Ba là, cạnh tranh của các nền kinh tế tại khu vực

Quan hệ Trung Quốc - ASEAN gia tăng đã thúc đẩy quan hệ giữa ASEAN với các đối tác khác như Nhật Bản, Hàn Quốc, Ấn Độ... cũng đang gia tăng. Ngay sau khi ASEAN và Trung Quốc đạt được thoả thuận về FTA song phương, Nhật Bản cũng đề xuất ký một FTA với ASEAN nhằm tạo ra một Hiệp hội đối tác toàn diện ASEAN - Nhật Bản (AJCEP). Tháng 10/2003 Nhật Bản và ASEAN đã ký hiệp định khung FTA, thoả thuận xây dựng xong Khu vực mậu dịch tự do ASEAN - Nhật Bản vào năm 2012. Bên cạnh đó, Khu vực mậu dịch tự do ASEAN - Hàn Quốc, Ấn Độ cũng đang trong quá trình đàm phán. Mỹ cũng tăng cường quan hệ kinh tế song phương với các nước ASEAN, Mỹ là một trong những đối tác đối thoại quan trọng nhất của ASEAN, nhiều nước thành viên ASEAN vẫn phải chú ý đến phản ứng của Mỹ trong chính sách đối ngoại của mình. Sự tăng cường về quan hệ kinh tế cũng như việc ký kết các Hiệp định thương mại tự do giữa ASEAN với các đối tác trên có thể gây trở ngại tới tiến trình ACFTA, khiến ASEAN phải đứng trước sự lựa chọn chiến lược. Trong bối cảnh hiện nay, ASEAN cần tăng cường liên kết thành một cộng đồng chặt chẽ hơn, thu hẹp khoảng cách phát triển hơn, tiến gần nhau hơn về mặt chính trị, kết hợp hài hoà được mối quan hệ giữa ASEAN - Trung Quốc và ASEAN với các đối tác khác.

Thứ hai, những thách thức mới nảy sinh trong quả trình phái triển quan hệ kinh tế Trung Quốc - ASEAN

Những lợi ích kinh tế, chính trị của ACFTA là điều không thể phủ nhận. Tuy nhiên, những hệ lụy kinh tế - xã hội của khu mậu dịch này, đặc biệt ở các nước kém phát triển trong ASEAN 6, nhất là Indonesia, cũng là một thực tế phải thừa nhận, về cơ bản, có hai vấn đề lớn sau đã nảy sinh từ sự hiện diện của ACFTA ở một số nước ASEAN 6:

Một là, làm gia tăng thâm hụt mậu dịch của ASEAN trong quan hệ thương mại với Trung Quốc.

Trong số các nước ASEAN 6, tình trạng thâm hụt mậu dịch diễn ra nặng nề nhất ở Inđonesia, tiếp đến là Thái Lan và Singapore. Điều đáng lưu ý là mức độ thâm hụt mậu dịch của các nước đó với Trung Quốc tăng tỷ lệ thuận với tốc độ cắt giảm thuế theo ACFTA.

Từ thực tế trên có thể nói đang có sự phân phối không công bằng các lợi ích của ACFTA. Nước được lợi nhiều hơn từ ACFTA là Trung Quốc. Như vậy, cho tới nay ACFTA *chưa phải là một khu vực mậu dịch tự do cũng thắng* mà một số quan chức và nhà nghiên cứu Trung Quốc thường nói.

Hai là, tình trạng phá sản doanh nghiệp đang diễn ra tại một số nước ASEAN dưới tác động của ACFTA.

Việc hoàn tất cắt giảm thuế theo quy định của ACFTA đã khiến cho hàng hóa, đặc biệt là các sản phẩm của các ngành công nghiệp tập trung lao động tràn ngập thị trường của một số nước ASEAN, đặc biệt là thị trường các nước kém phát triển hơn trong nhóm ASEAN 6. Tình trạng này đã ảnh hưởng xấu tới sự phát triển của các ngành công nghiệp cùng loại của các nước đó. Theo nhà nghiên cứu Indonesia, Martin Manurung, ít nhất có 10 ngành chế tạo của Indonesia chịu ảnh hưởng tiêu cực từ ACFTA. Theo Hiệp hội công nghiệp dệt ở Indonesia, trong 2 năm qua đã có 271 nhà máy dệt đóng cửa, tỷ lệ thất nghiệp lên tới 7,5 triệu người.

Ở Malaysia, tình trạng đóng cửa nhà máy sản xuất do tác động của ACFTA cũng đang diễn ra, trong số hơn 4000 doanh nghiệp vừa và nhỏ trong ngành dệt và quần áo may sẵn đã có 3000 doanh nghiệp đóng cửa.

Ngoài sự phá sản của hàng loạt doanh nghiệp vừa và nhỏ trong các ngành công nghiệp tập trung lao động, Malaysia còn phải chứng kiến việc một số công ty như Motorola, Sony Electronics, Acer Technlogy và Philips Semiconductors đã chuyển các nhà máy của họ sang Trung Quốc để khai thác chi phí lao động thấp và tận dụng các lợi ích từ ACFTA.

Những tác động tiêu cực của ACFTA đối với mậu dịch và một số ngành công nghiệp của vài nước ASEAN là khó tránh khỏi, khi các nước đó tham gia vào tiến trình tự do hóa mậu dịch này với năng lực cạnh tranh thấp. Việc hàng hóa chế tạo của Trung Quốc tràn vào Indonesia, Philippines là một thực tế. Tuy nhiên, sự tràn ngập hàng hóa giá rẻ nhưng chất lượng không thua kém hàng nội địa của các nước đó, không phải chỉ đem tới thua thiệt. Thật vậy, từ góc độ người tiêu dùng, ACFTA có tác động tích cực vì thị trường tràn ngập hàng hóa với giá thấp và có nhiều lựa chọn hơn.

III. TRIỂN VỌNG CỦA MỐI QUAN HỆ KINH TẾ TRUNG QUỐC - ASEAN

Do sự gần gũi về mặt địa lý và cùng chia sẻ những giá trị chung của văn hoá phương Đông, nên từ lâu giữa các nước ASEAN và Trung Quốc đã có mối quan hệ bền chặt trên mọi phương diện, từ kinh tế thương mại cho đến chính trị - ngoại giao, văn hoá - xã hội và tộc người. Tuy các mối quan hệ trên ở từng thời điểm, giai đoạn lịch sử diễn ra thiếu sự tự nguyện hay bình đẳng bởi sự áp đặt từ phía Trung Quốc (nhất là trong lĩnh vực chính trị) nhưng nhìn chung các thực thể này không ngừng tiếp nhận, học hỏi kinh nghiệm của nhau để cùng tồn tại và phát triển. Đây là yếu tố thuận lợi và là cơ sở vững chắc để cho ASEAN và Trung Quốc ngày nay tiếp tục phát triển quan hệ vốn từng thịnh hành trong lịch sử.

Với các nước ASEAN, Trung Quốc không chỉ là một nước lớn, láng giềng có dân số đông nhất thế giới và nền văn hoá lâu đời mà quan trọng hơn là một quốc gia đang trỗi dậy trên tất cả các mặt, nhất là kinh tế và chính trị - an ninh, có khả năng trở thành siêu cường thế giới trong tương lai. Tăng cường hợp tác với Trung Quốc là điều tất cả các nước ASEAN đều mong muốn và coi trọng. Còn Trung Quốc cũng rất mong muốn củng cố quan hệ với ASEAN, mặc dù là tập hợp của các quốc gia láng giềng nhỏ bé, nhưng năng động về kinh tế và ngày càng có vị

trí quan trọng trong quan hệ quốc tế, nhất là trong bàn cờ đại chiến lược của các nước lớn. Trên đây là những lý do chính thức đẩy quan hệ hợp tác kinh tế tác giữa ASEAN và Trung Quốc trong những năm đầu thế kỷ XXI.

Trước hết về phía Trung Quốc: Chính sách đối ngoại của Trung Quốc từ khi cải cách mở cửa đến nay, đặc biệt trong những năm gần đây là nhằm phục vụ hai nhiệm vụ chiến lược lâu dài: "Hiện đại hoá đất nước" và "Thống nhất đất nước". Trong những thập niên tới, Trung Quốc vẫn cần một môi trường hoà bình ổn định để hoàn thành công cuộc hiện đại hoá đất nước với nhiệm vụ trọng tâm là xây dựng kinh tế. Các nhà lãnh đạo Trung Quốc đều nhận thức sâu sắc ràng vị thế của một cường quốc trên thế giới ngày nay trước hết phụ thuộc vào thực lực kinh tế và trình độ khoa học và công nghệ. Do vậy, Trung Quốc trong những năm sắp tới sẽ sử dụng sức mạnh tổng hợp để tăng nhanh ảnh hưởng của mình nhất là "quyền lực mềm", trong đó chú trọng hàng đầu là phát triển buôn bán đầu tư với Đông Nam Á.

Còn về phía ASEAN, với "Tầm nhìn ASEAN năm 2020" được thông qua từ năm 1997, ASEAN sẽ là "một nhóm hài hoà các dân tộc Đông Nam Á hướng ngoại, sống trong hoà bình, ổn định và thịnh vượng, gắn bó với nhau bằng quan hệ đối tác, phát triển năng động và là cộng đồng các xã hội đùm bọc nhau". Bước vào thập niên đầu thế kỷ XXI, ASEAN trở nên năng động hơn trong việc tìm kiếm cơ chế, giải pháp thúc đẩy liên kết nội khối và hội nhập quốc tế sâu rộng. Ngoài việc đưa ra "Tầm nhìn 2020", ASEAN còn thông qua "Chương trình hành động Hà Nội"[7] 1998, "Sáng kiến hội nhập ASEAN" 2000 và đặc biệt là "Tuyên bố về sự hoà hợp ASEAN II" 2003 trong đó có tuyên bố thiết lập Cộng đồng ASEAN vào năm 2020 (thực tế đã thành lập sớm hơn 5 năm vào tháng 12/2015). Do vậy, các nước Đông Nam Á đều mong muốn khu vực của mình sẽ đi những bước xa hơn, không chỉ là một khu vực hoà bình, an ninh thịnh vượng và phát triển đồng đều, mà còn là khu vực có vị thế cao hơn trong nền kinh tế quốc tế, một cộng đồng xã hội sống trong hài hoà, khoan dung và thịnh vượng, có một bản sắc riêng. Rõ ràng, hiện nay các nước ASEAN và Trung Quốc đều có mong muốn cải thiện và phát triển quan hệ một cách tích cực và chủ động chứ không phải là kế sách thích nghi tạm thời. Đây là một thay đổi bước ngoặt có ý nghĩa lịch sử sâu sắc, đồng thời là kết quả của sự thích ứng và dung hợp với trào lưu khu vực và thế giới từ sau Chiến tranh lạnh kết thúc. Mặt khác, từ sự nhận thức lại lợi ích cụ thế nên từng quốc gia đã điều chỉnh chiến lược và sách lược phù hợp. Ngoài ra, giữ gìn khu vực hoà bình, ổn định để phát triển kinh tế không chỉ là lợi ích cụ thể của từng quốc gia ASEAN mà còn bao gồm cả lợi ích to lớn của Trung Quốc và đó cũng chính là mục tiêu hàng đầu của các quốc gia có cùng lợi ích theo đuổi.

Xét về nhiều mặt, việc gia tăng quan hệ kinh tế ASEAN - Trung Quốc là có hướng tích cực, củng cố hoà bình và phát triển cho cả khu vực và thế giới. Tuy nhiên, sự hoài nghi, thiếu tin tưởng của nhiều nước trong khối ASEAN với Trung Quốc vẫn tồn tại, khi mạnh mẽ công khai, khi tế nhị kín đáo. Những mâu thuẫn và xung đột tiềm ẩn vẫn tồn tại, ảnh hưởng tới bầu không khí trong quan hệ kinh tế của Trung Quốc với các nước ASEAN. Vấn đề lớn nhất vẫn là sự tranh chấp chủ quyền quốc gia trên một số đảo, vùng lãnh hải ở biển Đông. Đây là vấn đề dễ gây tổn thương nhất trong quan hệ kinh tế giữa ASEAN và các nước thành viên với Trung

Quốc. Bên cạnh đó, quan hệ kinh tế ASEAN - Trung Quốc trong bối cảnh hiện nay đang gặp không ít những thách thức mới. Ngoài những khó khăn, bất cập về năng lực cạnh tranh và sự chênh lệch phát triển ngày càng lớn giữa ASEAN và Trung Quốc, tình trạng chính trị - an ninh trở nên bất ổn và nhạy cảm ở một số nước ASEAN, còn có những khó khăn mới nảy sinh từ phía đối tác Trung Quốc. Trước hết, đó là sự thiếu hụt về tài nguyên thiên nhiên, đặc biệt là dầu mỏ và khí đốt; ô nhiễm môi trường tăng nhanh và phân hoá giàu nghèo trở nên phức tạp. Hơn nữa sự giống nhau tương đối giữa ASEAN và Trung Quốc về mô hình công nghiệp hoá hướng về xuất khẩu, sử dụng nhiều lao động và tài nguyên thiên nhiên, đều hướng sản phẩm sang thị trường Âu - Mỹ và Nhật Bản và luôn thu hút vốn đầu tư nước ngoài đã và đang tăng tính cạnh tranh giữa ASEAN đặc biệt là giữa ASEAN 7 (bao gồm cả Việt Nam) và Trung Quốc. Điều đáng chú ý là thời gian gần đây, Trung Quốc đang chuyển dần sang mô hình công nghiệp hoá mới, dựa vào công nghệ và chất xám, mạnh dạn đầu tư ra nước ngoài để kinh doanh. Đây là cách thức tốt nhất để hạn chế những khó khăn đang nổi lên tại Trung Quốc, đồng thời cũng làm dịu đi sức ép khai thác tài nguyên để xuất khẩu của các nước ASEAN, thúc đẩy quan hệ hợp tác đôi bên cùng có lợi.

Nói tóm lại, nhờ thực hiện thành công cải cách kinh tế và chính sách mở cửa, quan hệ kinh tế - thương mại, đầu tư giữa ASEAN và Trung Quốc có nhiều thay đổi tích cực, bước sang một giai đoạn mới. Tuy nhiên, giữa hai phía cũng còn gặp nhiều khó khăn cần tháo gỡ trong thời gian tới. Có thể nhận thấy hầu hết các nước ASEAN và Trung Quốc là những nước đang phát triển, tình trạng thiếu vốn và nợ nước ngoài chưa được giải quyết triệt để. Cơ cấu mậu dịch của ASEAN và Trung Quốc cũng tương đối giống nhau và chịu sự tác động sâu sắc của xăng dầu lên giá. Việc buôn lậu trốn thuế, buôn bán tiểu ngạch mang tính tự phát, ít được pháp luật bảo vệ cần được đưa vào quy cũ . Cuối cùng là vấn đề tranh chấp biên giới, lãnh hải giữa hai phía cần giải quyết bằng con đường đối thoại dựa trên lợi ích của từng quốc gia. Hiện nay dư luận quốc tế rất quan tâm đến sự tranh chấp lãnh hải giữa các quốc gia trong khu vực Đông Nam Á và Trung Quốc. Cho dù cuộc tranh chấp này chưa trở thành cuộc chiến công khai nhưng nó vẫn có khả năng gây ra một cuộc chạy đua vũ trang tốn kém và cuộc " Chiến tranh lạnh" khu vực phá hoại kinh tế, ảnh hưởng đến quan hệ kinh tế giữa các nước ASEAN và Trung Quốc. Mặc dầu, nhìn ra toàn thế giới, khu vực Đông Á, Đông Nam Á, trong đó có các nước ASEAN và Trung Quốc có cơ sở để lạc quan, tin tưởng về tương lai hội nhập cùng tồn tại và phát triển trong hoà bình và thịnh vượng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1]. Suthiphand Chirathivat (2001). Quan hệ kinh tế ASEAN – Trung Quốc trong một nền kinh tế thế giới hội nhập, Báo cáo khoa học tại cuộc Tọa đàm khoa học quốc tế với chủ đề: "*Trung Quốc gia nhập WTO và tác động đối với Đông Nam Á*", Hà Nội.

[2]. Vũ Văn Hà (2007). *Quan hệ Trung Quốc - ASEAN - Nhật Bản trong bối cảnh mới và tác động của nó tới Việt Nam*, Viện Khoa học Xã hội Việt Nam, Hà Nội.

[3]. Nguyễn Minh Hằng (1999). Trung Quốc với sự phát triển kinh tế của các nước ASEAN – Tác dụng tích cực và nhân tố không ổn định, *Tạp chí Nghiên cứu Trung Quốc* số 1 (23).

[4]. Lê Thị Ngọc Hiền (2009). "*Quan hệ Trung Quốc- ASEAN 1991- 2005*:, Luận văn Thạc sĩ Lịch sử thế giới, Huế.

[5]. Đàm Huy Hoàng (2004). "*Quan hệ ASEAN- Trung Quốc từ sau Chiến tranh lạnh đến nay*", Đề tài cấp viện, Viện Nghiên cứu Đông Nam Á, Hà Nội.

[6]. Vũ Dương Huân (2007). Quan hệ đối tác hội thoại ASEAN – Trung Quốc, *Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á*, số 5.

ECONOMIC RELATIONS BETWEEN CHINA AND ASEAN (2002 - 2012)

Mai Thuy Bao Hanh

Department of History, Hue University College of Sciences

Email: bhanhdph@gmail.com

ABSTRACT

Economic relations between China and ASEAN is one of complex relationships in the Asia –Pacific area. Undergoing tortuous history with many ups and downs, both China and ASEAN have been closer together in the close cooperation for co-development in recent decades,. In twenty-first century, China – Asean economic relations has created great progress compared to other international relations in the region and around the world. This relationship, however has still existed difficulties and obstacles required the both sides to remove and resolve that match the potential strengths of each parties.

The following article discusses the achievements and challenges of the economic relations between China and ASEAN (2002 - 2012)

***Keywords**: economic relations, China, ASEAN.*